

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng cầu Đèo Gia đi Phú Nhuận,
huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của UBND huyện Lục Ngạn tại Tờ trình số 884/TTr-UBND ngày 05/9/2023; Báo cáo thẩm định số 1887/SGTVT-QLCL ngày 22/9/2023 và Tờ trình số 70/TTr-SGTVT ngày 22/9/2023 của Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng cầu Đèo Gia đi Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cầu Đèo Gia đi Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Lục Ngạn.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây dựng dự án kết nối giao thông giữa các xã Tân Hoa, Biên Động, Phú Nhuận, Đèo Gia, Tân Lập, Nam Dương với các tuyến đường giao thông giữa QL.31 với tuyến đường Nam Dương - Đèo Gia, tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho việc đi lại, lưu thông giữa phía Bắc và phía Nam qua sông Lục Nam, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, hạ giá thành vận tải, thúc đẩy phát triển sản xuất - kinh doanh, đặc biệt là tiêu thụ vải thiều và các loại cây ăn quả khác.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế

4.2.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng cầu Đèo Gia đi Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang với chiều dài toàn tuyến (*cả phần cầu và phần đường*) khoảng 1,67km, trong đó: Phần đường phía xã Phú Nhuận dài $L=0,838\text{km}$ ($Km0+00-Km0+838,25$); chiều dài phần cầu $L_{\text{cầu}}=211,50\text{m}$ ($Km0+838,25-Km1+049,75$); phần đường phía xã Đèo Gia dài $L=0,620\text{km}$ ($Km1+049,75-Km1+670,23$). Điểm đầu Km0+00 bờ hữu sông Lục Nam, thuộc địa phận thôn Thích, xã Phú Nhuận, kết nối với đường hiện trạng ĐH.84 đoạn Biên Động - Phú Nhuận; điểm cuối Km1+670,23 bờ tả sông Lục Nam, thuộc địa phận thôn Đèo Gia, xã Đèo Gia, kết nối với đường Nam Dương - Đèo Gia (ĐH.81). Quy mô xây dựng gồm 02 phần:

- Phần đường: Đầu tư xây dựng tuyến đường với tổng chiều dài phần đường hai bên $L=1,458\text{km}$ theo tiêu chuẩn đường cấp III miền núi (TCVN4054-2005), vận tốc thiết kế 60km/h (*các đoạn qua khu vực địa hình khó khăn thiết kế chậm chước các yếu tố bình đồ, trắc dọc với vận tốc thiết kế phù hợp với điều kiện địa hình và hạn chế khối lượng GPMB*), chiều rộng nền đường $B_n=9,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=8,0\text{m}$ (*bao gồm cả lề gia cố hai bên $2 \times 1,0\text{m}=2,0\text{m}$*); chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm.

- Phần cầu: Thiết kế cầu BTCT, BTCT DƯL vượt sông Lục Nam với kết cấu BTCT vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$; tần suất thiết kế $P=1\%$; chiều dài cầu $L_{\text{cầu}}=211,50\text{m}$; chiều rộng cầu $B_{\text{cầu}}=9,0\text{m}$; sử dụng nhịp dầm SuperT bằng BTCT DƯL; móng trụ bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi.

4.2.2. Giải pháp thiết kế

a. *Thiết kế bình đồ*: Bình đồ tuyến được thiết kế đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn của cấp thiết kế, hướng tuyến thiết kế trên cơ sở chủ trương đầu tư được duyệt và phù hợp với điều kiện mặt bằng thực tế, hạn chế tối đa GPMB, vượt nối hài hòa với hệ thống đường giao thông hiện trạng. Điểm đầu Km0+00 kết nối với đường hiện trạng ĐH.84 (*đoạn Biên Động - Phú Nhuận*) thuộc bờ hữu sông Lục Nam, địa phận thôn Thích, xã Phú Nhuận; điểm cuối Km1+670,23 kết nối với đường Nam Dương - Đèo Gia (ĐH.81) thuộc bờ tả sông Lục Nam, địa phận thôn Đèo Gia, xã Đèo Gia (*trong đó phạm vi xây dựng phần cầu tính đến dưới mốc từ Km0+838,25- Km1+049,75*). Bình đồ tuyến đoạn bờ hữu sông Lục Nam

được thiết kế trên cơ sở bám theo tuyến cũ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, tận dụng nền, mặt đường hiện trạng và hạn chế khối lượng GPMB.

b. Thiết kế trắc dọc: Thiết kế phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy trình quy phạm hiện hành, kết hợp hài hoà với các yếu tố bình diện, đảm bảo êm thuận; giảm thiểu khối lượng chiếm dụng, khối lượng đào đắp nền đường. Cao độ thiết kế tuyến bằng cao độ mặt đường cũ cộng với lớp kết cấu áo đường tăng cường và lớp bù vênh để đảm bảo tận dụng tối đa kết cấu mặt đường cũ. Các điểm khống chế cao độ gồm điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến, công trình cầu và đảm bảo phù hợp với cao độ hiện trạng nhà dân hai bên tuyến. Các đoạn qua khu vực địa hình khó khăn thiết kế chêm chước các yếu tố trắc dọc với vận tốc thiết kế phù hợp với điều kiện địa hình và hạn chế khối lượng GPMB.

c. Thiết kế trắc ngang: Thiết kế mặt cắt ngang theo quy mô đường cấp III miền núi (TCVN4054 - 2005); chiều rộng nền đường $B_{nền}=9,0m$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}=2x3,0=6,0m$; chiều rộng lề đường gia cố $B_{lề}=2x1,0m=2,0m$ (với kết cấu như mặt đường); chiều rộng lề đất $B_{lđ}=2x0,5=1,0m$. Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$, dốc ngang lề đất $i=4\%$; mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào 1/1,0.

d. Thiết kế nền đường: Nền đường được đắp bằng vật liệu đất cấp phối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đối với nền đường đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp với chiều dày trung bình 50cm; đất đắp nền được lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, riêng lớp đất đắp dày 50cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$. Đối với nền đường đào: Tiến hành đào nền, đào khuôn đường đến cao trình thiết kế; lu lèn đảm bảo lớp đất nền dày 30cm dưới kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$ (xáo xới lu lèn hoặc thay bằng lớp vật liệu đủ tiêu chuẩn và đầm lèn đảm bảo lớp đất nền dày 30cm dưới kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$). Sau khi đào đến đáy cao độ lớp K98 tiến hành kiểm tra lớp đất ngay dưới nếu lớp đất nền hiện tại không đạt độ chặt yêu cầu K95 thì cần xáo xới sâu 30cm, lu lèn đến khi đạt độ chặt K95. Ta luy đào đất 1/1, taluy đắp 1/1,50. Nền đường các đoạn đắp qua ao, hồ, suối được thiết kế gia cố mái ta luy đảm bảo ổn định.

e. Thiết kế mặt đường: Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1 (TCCS 38:2022/TCĐBVN); mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 140Mpa$. Kết cấu mặt đường cụ thể như sau:

- Kết cấu áp dụng cho phần làm mới: Lớp bê tông nhựa C16 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn $1,0kg/m^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

- Kết cấu mặt đường tăng cường trên mặt đường BTXM hiện trạng: Lớp bê tông nhựa C16 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; bù vênh bằng bê tông nhựa C19; lớp vải địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$.

- Kết cấu mặt đường phân cạp mở rộng mặt đường cũ (BTXM): Lớp bê tông nhựa C16 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$; lớp bê

tông nhựa C19 dày 7cm; bù vênh bằng bê tông nhựa C19; lớp vải địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$; lớp BTXM M250 dày 22cm; lớp lót giấy dầu; cấp phối đá dăm loại I dày 16cm.

- Kết cấu mặt đường phân đường gom: Lớp bê tông nhựa C16 dày 5cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 25cm.

- Kết cấu mặt đường giao dân sinh (*đối với đường hiện trạng là đường BTXM, BTN*): Lớp bê tông nhựa C16 dày 5cm; bù vênh bằng bê tông nhựa C16; lớp vải địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$;

- Kết cấu mặt đường giao dân sinh (*đối với đường hiện trạng là đường cấp phối, đường đất*): Lớp bê tông nhựa C16 dày 5cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I.

g. Thiết kế hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Tại các vị trí nền đường đào, đắp thấp thiết kế rãnh dọc hình thang (0,4x0,4x0,4)m để thoát nước dọc; một số kênh mương thủy lợi nằm trong phạm vi xây dựng tuyến đường sẽ được thiết kế hoàn trả theo hiện trạng. Khu vực nút giao và khu dân cư thiết kế hệ thống rãnh dọc chịu lực khẩu độ $B=0,5\text{m}$ có nắp đậy. Kết cấu rãnh: Thân, tường rãnh BTCT M250 lắp ghép đặt trên lớp đệm đá dăm dày 10cm; tấm đan chịu lực bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 12cm; hồ thu nước BTCT có nắp đậy với khoảng cách trung bình 35m/hố.

- Thoát nước ngang: Thiết kế các công thoát nước ngang đảm bảo tiêu thoát nước khu vực và thủy lợi, kết cấu như sau: Công tròn sử dụng ống công BTCT lắp ghép D75, D100 và D150cm; móng công BTCT đúc sẵn; tường đầu, tường cánh, hồ thu bằng BTXM đổ tại chỗ. Công hộp sử dụng công hộp lắp ghép đối với các công có kích thước, $B \times H = 1,0 \times 1,0\text{m}$ trên lớp móng bê tông và đệm đá dăm; tường đầu, tường cánh, hồ thu bằng BTXM đổ tại chỗ.

h. Thiết kế nút giao, đường giao: Các vị trí nút giao thiết kế dạng giao cùng mức, tự điều khiển; bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông (*son vạch kẻ đường chỉ hướng, biển báo...*). Các đường giao dân sinh được vượt nổi êm thuận đảm bảo giao thông đi lại thuận lợi.

i. Thiết kế đường gom: Thiết kế 02 đường gom song song chân taluy đường đầu cầu mố M1 bên phía xã Phú Nhuận (đoạn Km0+600-Km0+838) với chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}=8,1\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=2 \times 3,25\text{m}=6,5\text{m}$; chiều rộng lề (*bố trí rãnh dọc hai bên*) $B_{\text{lề}}=2 \times 0,8\text{m}=1,6\text{m}$.

k. Hệ thống điện chiếu sáng, đèn cảnh báo: Xây dựng mới hệ thống đèn đường chiếu sáng trên tuyến và trong phạm vi nút giao với giải pháp thiết kế như sau:

- Nguồn điện, trạm biến áp: Nguồn điện cấp hệ thống chiếu sáng được lấy từ Trạm biến áp (TBA) hiện có.

- Thiết kế đèn chiếu sáng: Đèn chiếu sáng bố trí 1 phía bên phải tuyến và trên cầu; cột đèn sử dụng loại cột thép mạ kẽm, thân cột hình bát giác cao 8,0m, cần đèn đơn cao 2m, độ vươn của cần về phía đường là 1,5m, khoảng cách cột trung bình là 30m. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led công suất 150W loại tiết kiệm điện năng, có hiệu suất cao; hệ thống đèn chiếu sáng được điều khiển tự động bằng rơ le thời gian đặt trong tủ điện. Móng cột đèn sử dụng móng bê tông không cốt thép M200 đổ tại chỗ có khung thép.

- Thiết kế đường dây điện: Hệ thống chiếu sáng bao gồm các tủ chiếu sáng, các đèn chiếu sáng cao áp. Nguồn cấp từ tủ hạ thế của TBA tới tủ điện điều khiển chiếu sáng sử dụng cáp đồng Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC0,6/1kV tiết diện $4 \times 50 \text{mm}^2$; nguồn cấp cho các đèn chiếu sáng sử dụng cáp ngầm 0,4kV loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV tiết diện $4 \times 25 \text{mm}^2$; $4 \times 16 \text{mm}^2$, $4 \times 10 \text{mm}^2$; dây dẫn từ cầu đầu cửa cột lên bóng đèn dùng dây đồng Cu/PVC/PVC 0,6-1 kV tiết diện $3 \times 1,5 \text{mm}^2$. Toàn bộ các tuyến cáp được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực (HDPE) và được chôn ngầm trong đất chạy dọc theo mép hè đường; Chiều sâu chôn cáp từ 0,7-1,0m; các đoạn cáp đi ngang đường được luồn trong ống thép mạ kẽm để đảm bảo cáp vận hành an toàn lâu dài.

- Hệ thống đèn cảnh báo được bố trí trên tuyến và đường ngang giao cắt, nguồn điện được cấp nguồn bằng hệ thống pin năng lượng mặt trời lắp trên đầu cột và cần đèn. Cột đèn cảnh báo giao thông trên tuyến sử dụng cột thép mạ kẽm tròn trơn (đĩa giác) cao 6,2m cần vươn 4m về phía lòng đường (trên tuyến) và cột tròn trơn (bát giác) cao 4,4m.

l. An toàn giao thông: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; biển báo được bố trí tại các điểm giao cắt, biển được làm bằng tôn có phản quang, cột biển báo làm bằng thép tròn; sơn vạch phản quang, tôn hộ lan.

m. Thiết kế cầu:

Phạm vi thiết kế tính đến đؤoi mố từ Km0+838,25- Km1+049,75. Thiết kế cầu BTCT, BTCT DƯL; chiều dài cầu $L_{\text{cầu}}=211,5\text{m}$; bề rộng cầu $B=9,0\text{m}$; tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3 \times 10^{-3} \text{Mpa}$; tần suất thiết kế $P=1\%$; kết cấu nhịp bằng dầm SuperT; mố trụ bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhؤi.

- Kết cấu phần trên: Sơ đồ nhịp (39,15+40,0+40,0+40,0+39,15)m; sử dụng dầm SuperT BTCT 45Mpa DƯL; mặt cắt ngang gồm 04 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm $a=2,17\text{m}$; chiều cao dầm chủ $h=1,75\text{m}$; dầm ngang BTCT 35Mpa. Bản mặt cầu BTCT 35Mpa dày tối thiểu 18cm; lớp phủ mặt cầu bê tông nhựa dày 7cm trên lớp phòng nước dạng phun; độ dốc ngang mặt cầu 2%. Gờ chắn bằng BTCT 30MPa, bản dẫn bằng BTCT 25MPa đổ tại chỗ; lan can bằng thép mạ tráng kẽm, cột lan can bằng thép đؤc. Gؤi cầu dùng gؤi chậu; khe co giãn thép dạng răng lược.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu bằng BTCT 30Mpa trên hệ móng cọc khoan nhؤi đường kính $D=1,0\text{m}$; trụ cầu dạng trụ đặ bằng BTCT 30Mpa trên hệ móng cọc khoan nhؤi đường kính $D=1,0\text{m}$.

- Kết cấu khác: Tứ nón, chân khay gia cố bằng kết cấu BTXM C16 lưới thép B40 dày 16cm.

n. Các nội dung chi tiết khác: Theo Hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng:

- Tổ chức tư vấn khảo sát: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và quy hoạch hạ tầng Việt Nam.

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần Tư vấn quốc tế giao thông vận tải.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 4,92ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Thời hạn thiết kế 10 năm đối với mặt đường BTN; tuổi thọ thiết kế 100 năm đối với công trình cầu (TCVN 11823-1:2017).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31 : 2020/TCĐBVN;
- Tiêu chuẩn cơ sở khảo sát thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN;
- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN;
- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;
- Tiêu chuẩn thiết kế cống TCVN 9113:2012; 9116:2012;
- Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;
- Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;
- Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu TCVN 13567-1:2022 – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình chiếu sáng QCVN 07-7/2016/BXD;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;
- Một số các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 172.176.840.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	33.167.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	96.622.959.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.666.937.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	6.647.781.000 đồng;
- Chi phí khác:	4.933.131.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	29.139.032.000 đồng.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024-2026.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 1887/SGTVT-QLCL ngày 22/9/2023 của Sở Giao thông vận tải và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. UBND huyện Lục Ngạn và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh; TH, KTTH, KTN;
- Lưu: VT, KTN^{Hiếu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích